

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 17-02-2025.

V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thái Vân An là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà Phan Bích Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2024/TLST-DS ngày 17/10/2024, “V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2025/QĐST-DS, ngày 17/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê H, sinh năm: 1979, địa chỉ: xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Phạm S, sinh năm: 1977; Lê T, sinh năm: 1977 cùng địa chỉ: xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh H, bà S có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Lê H trình bày:

Tôi có tham gia 04 dây hụi do bà S và ông T làm chủ cụ thể như sau:

Dây hụi ngày 15/11/2021 giá hụi 3.000.000đ có 20 phần tôi tham gia 01 phần đóng được 13 lần với số tiền 39.000.000đ thì đến tháng 11/2022 ông T, bà S tuyên bố bế hụi.

Dây hụi ngày 15/11/2021 giá hụi 3.000.000đ có 20 phần tôi tham gia 01 phần đóng được 13 lần với số tiền 39.000.000đ thì đến tháng 11/2022 ông T, bà S tuyên bố bế hụi

Dây hụi ngày 15/12/2021 giá hụi 2.000.000đ có 21 phần tôi tham gia 01 phần đóng được 12 lần với số tiền 24.000.000đ thì đến tháng 11/2022 ông T, bà S tuyên bố bế hụi

Dây hụi ngày 15/12/2021 giá hụi 2.000.000đ có 21 phần tôi tham gia 01 phần đóng được 12 lần với số tiền 24.000.000đ thì đến tháng 11/2022 ông T, bà S tuyên bố bế hụi

Tôi đã nhiều lần đến nhà đòi thì bà S, ông T trả cho tôi được ba lần với số tiền 15.000.000đ đến nay không trả nữa. Lê H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Phạm S; Lê T cùng liên đới trả cho Lê H số tiền nợ hụi vốn 111.000.000 đồng, lãi không yêu cầu. Nay tôi xin rút phần yêu cầu chỉ yêu cầu bà S, ông T trả cho tôi số tiền nợ hụi là 82.390.000đ.

* Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn Phạm S trình bày:

Tôi thừa nhận tôi có làm chủ các dây hụi và anh H có tham gia chơi hụi như lời trình bày của anh H nhưng do hụi bế nên nay tôi đồng ý trả lại số tiền vốn mà anh H đã đóng như tờ giấy tôi đã nộp cho Toà án, nay tôi đồng ý trả cho anh H số tiền nợ hụi tổng bốn dây là 97.390.000 đồng tôi đã trả được 15.000.000đ còn lại 82.390.000đ.

Bị đơn Lê T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, không có lý do. Cũng như không có văn bản ý kiến, phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn.

- Phát biểu của Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên đối với bị

đơn Lê T không thực hiện đúng theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nên Kiểm sát viên đề nghị bị đơn cần lưu ý nhằm đảm bảo cho việc chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và để góp phần cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, đúng pháp luật, đồng thời Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào Điều 471, Điều 466; Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà S, ông T liên đới trả cho anh H số tiền nợ hui là 82.390.000đ, đình chỉ một phần yêu cầu của ông Hiệp; Án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Lê H khởi kiện yêu cầu Phạm S; Lê T trả tiền nợ hui, đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng hui. Bị đơn cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn Lê T trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Lê T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Lê T.

[2] Về nội dung:

Lê H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Phạm S; Lê T liên đới trả cho Lê H số tiền hui còn nợ là 82.390.000 đồng, bà S cũng thừa nhận có nợ của anh H số tiền này và đồng ý trả cho anh H nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của đương sự, Đối với Lê T có ký tên vào giấy giao hui nhưng bà S cho rằng bà tự ghi tên ông T nhưng bà cũng cho rằng ông T cũng biết việc bà làm chủ hui,

bà S và ông T là vợ chồng, cùng làm ăn sinh sống chung, cùng phục vụ sinh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên số tiền nợ này vợ chồng phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ trên cho anh H. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Lê T không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không có văn bản ý kiến phản bác gì yêu cầu của nguyên đơn, xem như đã từ bỏ quyền phản bác của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết, có đủ cơ sở để xác định Phạm S; Lê T nợ tiền hui anh Lê H số tiền 82.390.000 đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Lê H là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với tiền lãi nguyên đơn Lê H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trước đây Lê H yêu cầu Phạm S; Lê T liên đới trả cho Lê H số tiền nợ hui 111.000.000đ nhưng Lê H đã rút phần yêu cầu chỉ yêu cầu Phạm S; Lê T trả số tiền 82.390.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê H đối với một phần đã rút.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 466; Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, Điều 147, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Lê H về việc yêu cầu Phạm S; Lê T trả nợ.

2. Buộc Phạm S; Lê T liên đới trả cho Lê H số tiền nợ hui là 82.390.000 đồng (Tám mươi hai triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Lê H đối với phần yêu cầu đã rút.

4. Án phí, tạm ứng án phí:

4.1. Phạm S; Lê T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.119.500 đồng (Bốn triệu, một trăm mười chín nghìn, năm trăm đồng).

4.2. Hoàn trả lại cho Lê H số tiền 2.775.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0014083 ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/02/2025). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Diễm